

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bình Dương
Ông Đỗ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXX-ST ngày 27/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ong Thị O, sinh ngày 09/02/1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn A, xã C, huyện L, tỉnh B. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Chị O ủy quyền cho anh Ong Khắc T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: thôn A, xã C, huyện L, tỉnh B giao nhận văn bản tố tụng với Tòa án.

2. Bị đơn: Anh Đinh Hữu Q, sinh ngày 23/4/1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố Minh Khai 1, phường C, thị xã C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Ong Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh Q được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện L, (nay là phường C, thị xã C), tỉnh B. Sau kết hôn chị về nhà anh Q làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Sau một thời gian chung sống vợ chồng thường

xuyên phát sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm là cuối năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên chị O về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Tháng 7/2024 chị đi lao động tại S, việc chị đi lao động chị không bàn bạc hay nói chuyện với anh Q. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Kể từ tháng 12/2022 đến nay chị và anh Q không ai còn quan tâm đến ai, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Đinh Hữu Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 03 con chung là cháu Đinh Cát C, sinh ngày 15/01/2015; cháu Đinh Bảo S, sinh ngày 18/6/2016 và cháu Đinh Trần Bảo T, sinh ngày 12/01/2020. Hiện nay các con đang sinh sống cùng anh Q. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao 03 con chung cho anh Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Hữu Q trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng, nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn của vợ chồng anh nhất trí với trình bày của chị O. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị O.

Về con chung: anh, chị O có 03 con chung là cháu Đinh Cát C, sinh ngày 15/01/2015; cháu Đinh Bảo S, sinh ngày 18/6/2016 và cháu Đinh Trần Bảo T, sinh ngày 12/01/2020. Hiện nay các con đang sinh sống cùng anh. Sau khi ly hôn anh đề nghị giao 03 con chung cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh đồng ý mức cấp dưỡng hàng tháng mà chị O yêu cầu là 2.500.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Đinh Cát C, Đinh Bảo S trình bày: Các cháu hiện nay đang sinh sống cùng bố và ông bà nội. Quá trình chung sống được bố, ông bà nội chăm sóc cẩn thận, chu đáo, được đi học và nấu cơm cho ăn đầy đủ. Nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn sinh sống cùng bố.

Tại phiên tòa, chị O, anh Q vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị O, biên bản ghi lời khai của anh Q và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ong Thị O; xử:

Về hôn nhân: chị Ong Thị O được ly hôn anh Đinh Hữu Q.

Về con chung: Giao cháu Đinh Cát C, sinh ngày 15/01/2015; cháu Đinh Bảo S, sinh ngày 18/6/2016 và cháu Đinh Trần Bảo T, sinh ngày 12/01/2020 cho anh Đinh Hữu Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị O phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung cho anh Q với mức cấp dưỡng 2.500.000/ 01 tháng/ 01 cháu; thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hình thức cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Do chị O, anh Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Ong Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: chị O khởi kiện xin ly hôn anh Q và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo công văn số 2034/QLXNC-P3 ngày 05/02/2025 của Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ công an xác định chị O đã xuất nhập cảnh Việt Nam 05 lần, lần gần nhất nhập cảnh ngày 01/01/2025 và xuất cảnh ngày 08/01/2025, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do đó, chị O được xác định đang lao động tại nước ngoài. Anh Q là bị đơn có nơi cư trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4]. Về hôn nhân: chị Ong Thị O và anh Đinh Hữu Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện L, (nay là phường C, thị xã C, tỉnh B). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Đinh Hữu Q.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị O với anh Q, Hội đồng xét xử thấy: chị O, anh Q đều xác định vợ chồng được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn. Sau kết hôn chị O về nhà anh Q làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên chị O chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Tháng 7/2024, chị O đi lao động tại nước ngoài nhưng cũng không bàn bạc gì với anh Q. Chị O, anh Q xác định từ 12/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn liên lạc với nhau. Mặc dù anh, chị đã chủ động nói chuyện và được hai bên gia đình hàn gắn tình cảm nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định chị O, anh Q không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O với anh Q là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân.

[5]. Về nuôi con chung: chị O, anh Q có 03 con chung là cháu Đinh Cát C, sinh ngày 15/01/2015; cháu Đinh Bảo S, sinh ngày 18/6/2016 và cháu Đinh Trần Bảo T, sinh ngày 12/01/2020. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh Q. Sau ly hôn chị O, anh Q đều đề nghị giao 03 con chung cho anh Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao con chung cho anh Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn, Hội đồng xét xử thấy: chị O hiện đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Trên thực tế kể từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay các con chung vẫn sinh sống cùng anh Q và do anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các con phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra cháu C, cháu Sơn trên 07 tuổi có nguyện vọng được sinh sống cùng bố. Mặt khác, chị O, anh Q đều yêu cầu giao 03 con chung cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy giao 03 con chung cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự phát triển của trẻ nhỏ về mọi mặt hơn chị O cũng như phù hợp với tình hình thực tế. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị O, anh Q về việc giao 03 con chung cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn.

Sau khi ly hôn chị Ong Thị O có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp chị Ong Thị O có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị O đề nghị cấp dưỡng nuôi 03 con chung với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu. Anh Q đồng ý với mức cấp dưỡng này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị O cho anh Q với mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi xét xử sơ thẩm là tháng 4/2025 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị O, anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ong Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ong Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị O đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ong Thị O.

1. Về hôn nhân: Chị Ong Thị O được ly hôn anh Đinh Hữu Q.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Cát C, sinh ngày 15/01/2015; cháu Đinh Bảo S, sinh ngày 18/6/2016 và cháu Đinh Trần Bảo T, sinh ngày 12/01/2020 cho anh Đinh Hữu Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Ong Thị O không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Ong Thị O có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung cùng anh Đinh Hữu Q với mức cấp dưỡng là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng/01 cháu. Phương thức cấp dưỡng theo tháng và thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2025 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị Ong Thị O phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000322 ngày 09/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Ong Thị O đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Chị Ong Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Ong Thị O có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Đinh Hữu Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường Chũ, thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Thông